TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số : 248/2019/DS-PT
Ngày: 09/8/2019
"V/v: Tranh chấp QSDĐ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 09/8/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2019/TLPT- DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về "tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255/2019/QĐ – PT ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Văn C, Sinh năm 1949;

Địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã c, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Văn C là: Luật sư Thái Quang Trí, Văn phòng luật sư Chính Nghĩa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Võ Thành C1, Sinh năm 1939;

Địa chỉ: Số a, ấp b, xã c, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Thành C1 là: chị Nguyễn Thị Thanh Thúy, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 47/1, đường Bà Triệu, tổ 55, khóm 4, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Thành C1 là: Luật sư Hồ Thị Xuân Hương, Văn phòng luật sư Xuân Hương thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Trịnh Thị S, Sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 156, ấp Tân Mỹ, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Thị Bích L, Sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp Tân Mỹ, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

3. Huỳnh Văn D, Sinh năm 1970;

Địa chỉ: 348, ấp Phú An, xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 7, ấp Đông, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị Sáu, anh Huỳnh Văn Dũng, chị Võ Thị Bích Liên là: chị Nguyễn Thị Thanh Thúy.

4. Nguyễn Thị M, sinh năm 1949;

5. Đặng Thanh H, sinh năm 1969;

6. Đặng Thanh P, sinh năm 1978;

7. Lê Thị Bích T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mến, anh Đặng Thanh Hậu, anh Đặng Thanh Phong, chị Lê Thị Bích Tuyền là: ông Đặng Văn C.

8. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Thông, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Nghiệp, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

9. Người kháng cáo là ông Đặng Văn C là nguyên đơn của vụ án.

(Ông C, chị Thúy có mặt; đại diện UBND huyện Châu Thành có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đặng Văn C trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Trần Thị Thơm (bà nội ông C) cho ông C vào năm 1956, diện tích 03 công (3.000m^2) nhưng ông C không canh tác, để cho mẹ ông là bà Bùi Thị M2 canh tác do lúc đó ông còn nhỏ phải đi học. Đến năm 1977 ông C trực tiếp sử dụng đất này, trên đất chỉ có nhà của ông, cũng trong năm 1977 ông có cho bà Hoài là cô ruột cất nhà ở diện tích khoảng 21m^2 nhà mái lợp lá, cột bằng cây tạp, bà Hoài ở 01 mình. Ông cho bà Hoài ở không có làm giấy và cũng không có ai biết, bà Hoài ở đến hết đời bà thì thôi.

Đến năm 1992 bà Hoài qua đời và được an táng tại đất này, hiện con cháu bà Hoài gồm anh Dũng, chị Liên là cháu nội sử dụng đất này từ năm 1992 cho đến nay, trên đất có xây dựng căn nhà và trồng cây ăn trái, chăn nuôi.

Năm 1995, ông C kê khai và được cấp giấy chứng nhận QSD đất và cấp đổi lại năm 2007, diện tích 3.322,1m^2, thửa đất 24, tờ bản đồ số 34, đo đạc thực tế các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,16,17,18,19 và theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/11/2018.

Năm 2010 ông C và ông C1 đã thỏa thuận hòa giải tại địa phương ông C đồng ý giao cho ông C1 700m^2 nhưng ông C1 không đồng ý ông C tiếp tục khởi kiện ra Tòa án; ông C chỉ đồng ý để ông C1 sử dụng 200m^2 đất ở theo các mốc A, 12, 13, 14, B và A thuộc một phần thửa đất số 24 tờ bản đồ số 34. Ông C yêu cầu hộ ông C1 giao trả lại 956m^2 theo các mốc A,11,10,9,15,B và A và cây ăn trái ông C1 tự di dời.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện uỷ quyền của bị đơn anh Hồ Đăng Khoa trình bày:

Nguồn gốc đất này là của mẹ ông C1 là bà Đặng Thị Hoài để lại cho ông C1 từ năm 1960, ông C1 sống với bà Hoài đến năm 1992 thì bà Hoài chết, ông C1 và vợ con ông C1 tiếp tục sử dụng phần đất này cho đến nay, trên đất cất một căn nhà và ông C1 trồng cây ăn trái như mít, bưởi, mận, xoài và cây tạp…Gia đình ông C1 sử dụng đất này trên 50 năm, trong suốt quá trình sử dụng đất cất

nhà, chăn nuôi heo và trồng cây lâu năm trên diện tích đất thực tế 1.156m^2 theo các mốc 9,10,11,12,13,14,15 và 9 (sơ đồ đo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/11/2018) phía gia đình ông C vẫn biết nhưng không ngăn cản hay tranh chấp gì.

Ông C không sử dụng phần đất này nhưng lại đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông C1 hoàn toàn không biết.

Vào năm 2006 gia đình ông C1 có đến UBND xã Tân Bình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, thì Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Châu Thành cho biết phần đất này ông C đã kê khai rồi.

Nay ông C1 không đồng ý trả cho ông C diện tích 956m^2 đất như ông C yêu cầu. Ông C1 yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích thực tế là 1.156m^2 theo các mốc 9, 10, 11, A, 12, 13, 14, B, 15 đến mốc 9 theo sơ đồ đo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành. Đồng thời, hủy một phần giấy chứng nhận quyền đất cấp cho ông Đặng Văn C đối với diện tích đất gia đình ông C1 đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi và nghiã vụ liên quan trình bày:

1. Chị Lê Thị Bích Tuyền, chị Nguyễn Thị Mến, anh Đặng Tấn Phong, anh Đặng Thanh Hậu là người có quyền lợi nghĩa vụ liên cùng phía với ông C, thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Đặng Văn C.

2. Bà Trịnh Thị Sáu, chị Võ Thị Liên, anh Huỳnh Văn Dũng cùng phía với ông C1, thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Võ Thành C1.

3. *Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn Thông trình bày*: Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứnh nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn C năm 1995 về trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất, ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 07/2019/DS-ST, ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Võ Thành C1 được quyền sử dụng đất với diện tích 1.156,0m^2 thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 34 theo các mốc 9,10,11, A,12,13,14,B,15 và mốc 9 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/11/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Hộ ông Đặng Văn C và hộ ông Võ Thành C1 có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký điều chỉnh lại Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Thành C1.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đặng Văn C phải nộp 4.063.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng phí 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 11897 ngày 05/01/2017 được khấu trừ vào số tiền án phí ông C phải nộp. Ông C phải nộp thêm 1.663.000 đồng án phí dân sự.

+ Ông Võ Thành C1 được nhận lại 861.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 10993 ngày 26/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về lệ phí đo đạc và định giá:

Ông Đặng Văn C phải nộp lệ phí xem xét thẩm định, định giá 500.000đ và lệ phí đo đạc 3.453.000đ. Số tiền này ông Đặng Văn C đã tạm ứng và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/3/2019, ông Đặng Văn C kháng cáo với nội dung: không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông đồng ý cho ông C1 và những người trong hộ của ông diện tích 200 m^2 và 01 lối đi ngang 01m, dài 11m.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Ông C vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông C là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Đặng Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 1.156,0m^2 thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 34 tại xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thì theo cả phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định là của bà Trần Thị Thơm để lại. Ông C là cháu nội bà Thơm, ông C1 là cháu ngoại bà Thơm. Ông C cho rằng toàn bộ thửa đất này ông được bà Thơm cho vào năm 1956 nhưng do lúc đó ông còn nhỏ nên để mẹ ông là bà Bi quản lý, sử dụng và do ông sinh sống cùng với mẹ ông; đến năm 1977 thì ông đã lớn và có cho bà Đặng Thị Hoài, là cô ruột ông và là mẹ ông C1 cất nhà ở nhờ trên đất khoảng 21m^2, đến năm 1992 bà Hoài chết, thì ông C1 cùng vợ là bà Trịnh Thị Sáu vẫn tiếp tục sử dụng phần đất đó và sau đó có nới rộng diện tích đất sử dụng ra như hiện nay. Tuy nhiên, ông C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng toàn bộ thửa đất số 24, tờ bản đồ số 34, bao gồm cả diện tích đất đang tranh chấp là do bà Thơm tặng cho ông vào năm 1956 cũng như việc đến năm 1997 thì ông cho bà Hoài ở một phần diện tích đất là 21m^2, trong khi phía ông C1 cho rằng diện tích đất tranh chấp như hiện nay là do bà Thơm cho mẹ ông là bà Hoài từ trước năm 1960 và đến năm 1960 thì bà Hoài cho lại vợ chồng ông sử dụng và vẫn C1 sống với vợ chồng ông C1 cho đến năm 1992, bà Hoài chết thì vợ chồng ông C1 cùng các con vẫn tiếp tục sử dụng phần đất này cho đến nay; bà Hoài cũng được chôn cất trên phần đất tranh chấp. Tại tờ xác nhận ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tân Bình thể hiện nội dung bà Đỗ Thị Tư là người hàng xóm với ông C và ông C1 cũng xác định gia đình bà Hoài và vợ chồng ông C1, bà Sáu đã cất nhà sinh sống ổn định trên đất và trồng nhiều loại cây ăn trái từ năm 1966 cho đến nay. Xét thấy lời

trình bày của phía bị đơn là có cơ sở vì phù hợp với quá trình sử dụng và hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông C1. Còn việc ông C cho rằng, việc ông cho bà Hoài ở nhờ trên diện tích đất ban đầu là 21m^2 mà không có làm giấy tờ gì vì nghĩ là do trong gia đình tộc họ là không có cơ sở. Như vậy, việc sử dụng phần đất đang tranh chấp của gia đình ông C1 là hợp pháp, rõ nguồn gốc là được bà Thơm cho và có căn cứ để xác lập quyền sử dụng đất, nên việc vào năm 1995, ông C kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm cả diện tích đất này, là không trái pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp của ông C1 là yêu cầu phản tố, là chưa chính xác, vì cùng diện tích đất tranh chấp đó phía nguyên đơn đã yêu cầu xác định quyền sử dụng đối với bị đơn thì đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là quyền sử dụng đất, còn đối với yêu cầu của bị đơn thì chỉ là lời trình bày và phản đối, phản bác trong vụ án, và việc giải quyết, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng đồng thời xác định quyền sử dụng hợp pháp có thuộc về bị đơn hay không và công nhận hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa cách tuyên án và vấn đề này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông C cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C.

[2] Đối với yêu cầu của ông C1 về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C đối với diện tích đất tranh chấp mà gia đình ông C1 đang quản lý sử dụng thì Hội đồng xét xử xét thấy: diện tích đất tranh chấp chỉ là một phần trong toàn bộ phần đất thuộc thửa 24 là của bà Trần Thị Thơm để lại cho các con, trong đó có một phần để lại cho bà Bi hoặc ông C, mà phía ông C1 cũng thừa nhận, không có tranh chấp và phần còn lại là để lại cho bà Hoài sau đó bà Hoài để lại cho ông C1, do đó, việc Uỷ ban nhân dân cấp giấy chứng nhận cho ông C cũng chỉ sai một phần và khi phát sinh tranh chấp thì chỉ cần giải quyết công nhận phần diện tích đất cho ông C1 được quyền sử dụng

và điều chỉnh lại giấy chứng nhận đã cấp nói trên đối với ông C là phù hợp pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông C1 về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi bản án có hiệu lực pháp luật thì ông C1 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký diện tích đất đã được công nhận như trên theo quy định của pháp luật.

[3] Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C trình bày: nguồn gốc đất là của bà Trần Thị Thơm nhưng các bên đều được sử dụng là do bà Hoài được gia đình ông C cho ở phần căn nhà để tiện việc sinh hoạt. Trong quá trình sử dụng thì phía ông C1 ở có diện tích lớn hơn so với trước đây bà Hoài được cho. Năm 2010 UBND có hòa giải thì ông C có đồng ý cho ông C1 diện tích 700 m^2 nhưng sau đó hai bên không thực hiện được. Nay ông C yêu cầu ông C1 trả lại diện tích 1.156 m^2 vì ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét lời đề nghị của luật sư là chưa có căn cứ như nhận định nêu trên, nên không chấp nhận.

[4] Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C1 cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là do bà Thơm để lại cho bà Hoài, là mẹ ông C1, sau đó bà Hoài chết thì gia đình ông C1 tiếp tục sử dụng đến nay; việc gia đình ông C1 sử dụng phần đất tranh chấp là rõ nguồn gốc, lâu dài và ổn định nên có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất và vì vậy việc cấp quyền sử dụng đất cho ông C đối với diện tích đất gia đình ông C1 sử dụng nói trên là không hợp pháp, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông C, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và đề nghị trên là có căn cứ, nên chấp nhận.

[5] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Châu Thành, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho ông C do ông thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí.

[7] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông C do ông thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 99, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 688 Bộ luật dân sự 2005.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn C.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C.

Buộc hộ ông Đặng Văn C, (gồm ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị M, anh Đặng Thanh H, anh Đặng Thanh P, chị Lê Thị Bích T) phải có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho ông Võ Thành C1, bà Trịnh Thị S, chị Võ Thị Bích L và anh Huỳnh Văn D đối với một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 34, diện tích đo đạc thực tế là 1.156,0 m^2 đất tọa lạc tại xã Tân Bình, huyện Châu Thành; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đặng Văn C.

2. Ông Võ Thành C1 được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.156,0m^2 thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 34 theo các mốc 9,10,11, A,12,13,14,B,15 và mốc 9 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/11/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thu hồi diện tích 1.156,0m^2, thuộc một phần thửa số 24, tờ bản đồ số 34, đã cấp giấy

chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Đặng Văn C vào ngày 03/4/2007, để cấp lại cho ông C1, bà Sáu, chị Liên, anh Dũng.

(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2017; sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/11/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành)

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Thành C1.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đặng Văn C được miễn án phí sơ thẩm.

+ Bà M, anh H, anh P, chị T phải liên đới nộp 3.250.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng phí 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 11897 ngày 05/01/2017 được khấu trừ vào số tiền án phí phải nộp. Bà Mến, anh Hậu, anh Phong, chị Tuyền liên đới nộp thêm 850.500 đồng án phí dân sự.

+ Ông Võ Thành C1 được nhận lại 861.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 10993 ngày 26/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

5. Án phí phúc thẩm: Ông Đặng Văn C được miễn. Hoàn trả lại cho ông C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005885 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Đặng Văn C phải chịu 500.000 đồng chi phí định giá và 3.453.000 đồng chi phí thẩm định. Số tiền này ông Đặng Văn C đã tạm ứng và chi xong.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự
- Lưu: VT, HSVA,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy